

Họ và tên: .....Số báo danh .....

Mã đề: 209

**Câu 1:** Một số cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau (liền rễ). Hiện tượng này thể hiện mối quan hệ

- A. hỗ trợ khác loài.
- B. hỗ trợ cùng loài.
- C. cộng sinh.
- D. cạnh tranh cùng loài.

**Câu 2:** Các cây tràm ở rừng U minh là loài

- A. đặc trưng.
- B. ưu thế.
- C. đặc biệt.
- D. có số lượng nhiều.

**Câu 3:** Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố sinh thái

- A. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật.
- B. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.
- C. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật.
- D. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.

**Câu 4:** Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể

- A. cá rô phi và cá chép.
- B. tôm và tép.
- C. chim sâu và sâu đo.
- D. ếch đồng và chim sẻ.

**Câu 5:** Diễn thế nguyên sinh

- A. thường dẫn tới một quần xã bị suy thoái.
- B. khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật.
- C. khởi đầu từ môi trường đã có một quần xã tương đối ổn định.
- D. xảy ra do hoạt động chặt cây, đốt rừng,... của con người.

**Câu 6:** Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- C. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
- D. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.

**Câu 7:** Trong tự nhiên, khi kích thước của quần thể giảm dưới mức tối thiểu thì

- A. quần thể không thể rơi vào trạng thái suy giảm và không bị diệt vong.
- B. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.
- C. khả năng sinh sản tăng do các cá thể đực, cái có nhiều cơ hội gặp nhau hơn.
- D. quần thể luôn có khả năng tự điều chỉnh trở về trạng thái cân bằng.

**Câu 8:** Kiểu phân bố nào thường gặp khi điều kiện sống phân bố một cách đồng đều?

- A. Phân bố ngẫu nhiên.
- B. Phân bố đồng đều và phân bố ngẫu nhiên.
- C. Phân bố theo nhóm.
- D. Phân bố đồng đều.

**Câu 9:** Những yếu tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng không phụ thuộc vào mật độ quần thể bị tác động là

- A. yếu tố hữu sinh.
- B. các bệnh truyền nhiễm.
- C. yếu tố vô sinh.
- D. nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng.

**Câu 10:** Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sự tăng trưởng của quần thể?

- A. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.

- B. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.
- C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.
- D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.

**Câu 11:** Tập hợp sinh vật nào sau đây là quần thể sinh vật?

- A. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc gia Cát Tiên.
- B. Những con cá sống trong Hồ Tây.
- C. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.
- D. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

**Câu 12:** Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể?

- A. Tỷ lệ các nhóm tuổi.
- B. Mật độ cá thể.
- C. Tỷ lệ đực, cái.
- D. Đa dạng loài.

**Câu 13:** Có mấy loại diễn thế sinh thái?

- A. 2
- B. 4
- C. 1
- D. 3

**Câu 14:** Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm

- A. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các nhân tố vật lý bao quanh sinh vật.
- B. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các chất hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.
- C. tất cả các nhân tố vật lý hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.
- D. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật.

**Câu 15:** Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm

- A. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- B. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
- C. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
- D. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

**Câu 16:** Đặc trưng nào có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể trong điều kiện môi trường thay đổi?

- A. Mật độ cá thể.
- B. Tỷ lệ giới tính.
- C. Nhóm tuổi.
- D. Kích thước của quần thể.

**Câu 17:** Quan hệ chặt chẽ giữa hai hay nhiều loài mà tất cả các loài tham gia đều có lợi là mối quan hệ

- A. kí sinh.
- B. ức chế - cảm nhiễm.
- C. cộng sinh.
- D. hội sinh.

**Câu 18:** Kiểu phân bố nào là phổ biến nhất trong tự nhiên?

- A. Phân bố theo nhóm
- B. Phân bố đồng đều
- C. Phân bố ngẫu nhiên
- D. Phân bố theo độ tuổi

**Câu 19:** Quan hệ giữa động vật ăn cỏ với vi khuẩn phân giải xelulôzơ thuộc quan hệ

- A. cạnh tranh.
- B. cộng sinh.
- C. hội sinh.
- D. hợp tác.

**Câu 20:** Hiện tượng nào sau đây phản ánh dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kỳ?

- A. Ở đồng rêu phương Bắc, cứ 3 năm đến 4 năm, số lượng cáo lại tăng lên gấp 100 lần và sau đó lại giảm.
- B. Ở Việt Nam, hàng năm vào thời gian thu hoạch lúa, ngô, ... chim cu gáy thường xuất hiện nhiều.
- C. Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng ếch nhái giảm vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C.
- D. Ở Việt Nam, vào mùa xuân khí hậu ẩm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều.

**Câu 21:** Trong quần xã sinh vật, kiểu quan hệ giữa hai loài, trong đó một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không có hại là

- A. quan hệ hội sinh.
- B. quan hệ ức chế - cảm nhiễm.
- C. quan hệ cộng sinh.
- D. quan hệ vật chủ - vật kí sinh.

**Câu 22:** Mối quan hệ vật kí sinh – vật chủ và mối quan hệ vật dữ - con mồi giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Loài bị hại luôn có kích thước cá thể nhỏ hơn loài có lợi.

- B. Điều là mối quan hệ đối kháng giữa hai loài.
- C. Loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.
- D. Điều làm chết các cá thể của loài bị hại.

**Câu 23:** Nơi ở là

- A. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật.
- B. khu vực sinh sống của sinh vật.
- C. nơi cư trú của loài.
- D. khoảng không gian sinh thái.

**Câu 24:** Trong một cái ao, kiểu quan hệ có thể xảy ra giữa hai loài cá có cùng nhu cầu thức ăn là

- A. ký sinh.
- B. cạnh tranh.
- C. vật ăn thịt – con mồi.
- D. ức chế cảm nhiễm.

**Câu 25:** Quan hệ giữa chim sáo với trâu thuộc quan hệ

- A. hợp tác.
- B. cạnh tranh.
- C. cộng sinh.
- D. hội sinh.

**Câu 26:** Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của 4 loài A; B; C; D lần lượt là: 10 - 38,5<sup>0</sup>C ; 10,6 - 32<sup>0</sup>C ; 5 - 44<sup>0</sup>C; 8 - 32<sup>0</sup>C. Loài có khả năng phân bố rộng nhất và hẹp nhất là:

- A. C và D
- B. C và A
- C. C và B
- D. B và A

**Câu 27:** Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do

- A. sức sinh sản tăng, sự tử vong giảm.
- B. sức sinh sản giảm, sự tử vong tăng.
- C. sức sinh sản giảm, sự tử vong giảm.
- D. sự tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử.

**Câu 28:** Trong cùng một thủy vực, người ta thường nuôi ghép các loài cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, rô phi, cá chép để

- A. tăng tính đa dạng sinh học trong ao.
- B. thoả mãn nhu cầu thị hiếu khác nhau của người tiêu thụ.
- C. thu được nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau.
- D. tận dụng tối đa nguồn thức ăn có trong ao.

**Câu 29:** Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể này bị số lượng cá thể của quần thể khác kìm hãm là hiện tượng

- A. khống chế sinh học.
- B. đấu tranh sinh tồn.
- C. cạnh tranh cùng loài.
- D. cạnh tranh giữa các loài.

**Câu 30:** Trong mối quan hệ giữa một loài hoa và loài ong hút mật hoa đó thì

- A. cả hai loài đều có lợi.
- B. loài ong có lợi còn loài hoa không có lợi cũng không bị hại gì.
- C. cả hai loài đều không có lợi cũng không bị hại.
- D. loài ong có lợi còn loài hoa bị hại.

**Câu 31:** Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể này là

- A. phân bố theo nhóm.
- B. phân bố theo độ tuổi.
- C. phân bố ngẫu nhiên.
- D. phân bố đồng đều.

**Câu 32:** Một quần thể ếch đồng có số lượng cá thể tăng vào mùa mưa, giảm vào mùa khô. Đây là kiểu biến động

- A. theo chu kì tuần trăng.
- B. không theo chu kì.
- C. theo chu kì mùa.
- D. theo chu kì nhiều năm.

**Câu 33:** Quan hệ giữa giun sán với người thuộc quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. cạnh tranh.
- C. hợp tác.
- D. kí sinh.

**Câu 34:** Những loài có giới hạn sinh thái hẹp đối với nhiều yếu tố sinh thái chúng có vùng phân bố

- A. hẹp.
- B. hạn chế.
- C. vừa phải.
- D. rộng.

**Câu 35:** Thú có túi sống phổ biến ở khắp châu Úc. Cừu được nhập vào châu Úc, thích ứng với môi trường sống mới dễ dàng và phát triển mạnh, giành lấy những nơi ở tốt, làm cho nơi ở của thú có túi phải thu hẹp lại. Quan hệ giữa cừu và thú có túi trong trường hợp này là mối quan hệ

A. ức chế - cảm nhiễm.

B. hội sinh.

C. động vật ăn thịt và con mồi.

D. cạnh tranh khác loài.

**Câu 36:** Một quần thể với cấu trúc 3 nhóm tuổi: trước sinh sản, đang sinh sản và sau sinh sản sẽ bị diệt vong khi mất đi nhóm

A. đang sinh sản.

B. trước sinh sản.

C. đang sinh sản và sau sinh sản.

D. trước sinh sản và đang sinh sản.

**Câu 37:** Quần thể là một tập hợp cá thể

A. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.

B. cùng loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.

C. khác loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định vào một thời điểm xác định.

D. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định.

**Câu 38:** Khi nói về mật độ cá thể của quần thể, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Khi mật độ cá thể của quần thể giảm, thức ăn dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài giảm.

B. Mật độ cá thể của quần thể luôn cố định, không thay đổi theo thời gian và điều kiện sống của môi trường.

C. Khi mật độ cá thể của quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt.

D. Mật độ cá thể có ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường.

**Câu 39:** Trong các mối quan hệ sinh học giữa các loài sau đây, quan hệ nào là kiểu quan hệ cạnh tranh?

A. Chim ăn sâu và sâu ăn lá.

B. Lúa và cỏ dại trong cùng một ruộng lúa.

C. Lợn và giun đũa sống trong ruột lợn.

D. Mối và trùng roi sống trong ruột mối.

**Câu 40:** Loài ưu thế là loài có vai trò quan trọng trong quần xã do

A. có khả năng tiêu diệt các loài khác.

B. sức sống mạnh, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

C. số lượng cá thể nhiều.

D. số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

----- HẾT -----